

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HÒA BÌNH

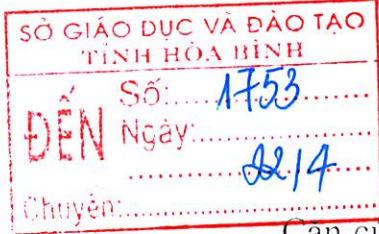
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23 /ĐDBQH-VP

Hòa Bình, ngày 18 tháng 4 năm 2019

V/v thông tin trả lời ý kiến,
kiến nghị của cử tri tỉnh Hòa Bình.

Kính gửi: ..*Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình*.....



Căn cứ Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội; Để kịp thời thông tin tới cử tri và Nhân dân kết quả trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Hòa Bình và các ý kiến trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV thuộc thẩm quyền giải quyết của các Bộ, ngành Trung ương. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình tổng hợp kết quả như sau:

(Có bản tổng hợp chi tiết kèm theo)

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan quan tâm, phối hợp, thông tin đến cử tri và Nhân dân trong toàn tỉnh để kịp thời nắm bắt thông tin và giám sát hoạt động của đại biểu Quốc hội tỉnh nhà.

Xin trân trọng cảm ơn!./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Báo Hòa Bình, Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo, Chuyên viên VP;
- Lưu: VPĐDBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
CHÁNH VĂN PHÒNG

Bùi Mạnh Cường



QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH HÒA BÌNH

TỔNG HỢP
TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỬ TRI CỦA CÁC BỘ, NGÀNH
TẠI KỲ HỌP THỨ 6, QUỐC HỘI KHÓA XIV
*(Kèm theo Văn bản số 23 /ĐDBQH-VP ngày 18 tháng 4 năm 2019
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hòa Bình)*

I. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Cử tri kiến nghị: Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi bổ sung các quy định trong Luật Đất đai cho phù hợp với thực tế, đặc biệt là phân cấp nhiều hơn cho Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm đảm bảo công tác quản lý; đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo quyết liệt hơn nữa trong việc thực hiện nhằm kết nối, chia sẻ thông tin từ Trung ương đến cơ sở để các cơ quan kịp thời nắm bắt thông tin, giải quyết nhanh chóng khi phát sinh sự việc liên quan đến đất đai.

Trả lời:

- Về đề nghị phân cấp nhiều hơn cho Ủy ban nhân dân cấp xã: Đất đai là lĩnh vực rất phức tạp, nhạy cảm song quy định của pháp luật về đất đai hiện hành đã phân cấp mạnh mẽ các thẩm quyền quan trọng như thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận, định giá đất,... cho chính quyền địa phương. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy việc phân cấp hiện nay cũng còn gây ra nhiều bất cập, tồn tại trong công tác quản lý do năng lực cán bộ các cấp chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là đối với cấp xã. Hiện nay, về biên chế, cấp xã chỉ được bố trí một công chức địa chính nhưng phải xử lý thêm nhiều công việc của địa phương như vấn đề môi trường, xây dựng. Việc thực hiện trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai chưa tốt và chưa kịp thời, đặc biệt là vai trò của cấp xã. Do đó, việc phân cấp mạnh hơn cho cấp xã trong giai đoạn hiện nay là khó có thể thực hiện được.

- Về xây dựng cơ sở dữ liệu, hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin đất đai và đã phê duyệt dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) trong đó xác định hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu sẽ được xây dựng theo mô hình tập trung thống nhất để đảm bảo cung cấp dịch vụ quản lý đất đai cho tất cả các bên liên quan theo nhu cầu và chia sẻ thông tin đất đai với các ngành có liên quan cũng như người dân và doanh nghiệp. Đề nghị các địa phương quan tâm bố trí kinh phí cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu để hệ thống thông tin đất đai quốc gia đa mục tiêu sớm được hình thành và vận hành thống nhất.

II. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Cử tri kiến nghị: *Cử tri tiếp tục đề nghị sớm bố trí nguồn kinh phí đền bù cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi Dự án cải tạo nâng cấp đường 12B đoạn từ Km 18+00 – Km 47+300 tỉnh Hòa Bình để tránh những bức xúc dẫn đến khiếu kiện đông người vượt cấp.*

Trả lời:

Dự án đầu tư xây dựng đường 12B đoạn Km18 – Km47+300, tỉnh Hòa Bình (Dự án) đã được triển khai đầu tư xây dựng với TMĐT giai đoạn 1 là 151 tỷ đồng, sử dụng vốn TPCP, hoàn thành 2014. Do giá cả, thể chế, chính sách và công tác GPMB có nhiều thay đổi nên tổng mức đầu tư của giai đoạn 1 tăng thêm 82,8 tỷ đồng. Thủ tướng Chính phủ đã cho phép điều chỉnh Dự án, phần vốn bổ sung sẽ được cân đối trong nguồn vốn TPCP giai đoạn 2012 – 2015 được giao của Bộ GTVT (Văn bản số 3270/VPCP-KTN ngày 11/5/2015 của Văn phòng Chính phủ). Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT đã phê duyệt điều chỉnh Dự án với dự kiến sử dụng nguồn vốn dự kế hoạch TPCP giai đoạn 2012-2015 để bổ sung cho Dự án. Bộ GTVT có văn bản số 8602/BGTVT-KHĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ nhu cầu bố trí bổ sung kế hoạch 2016-2020 cho các nhiệm vụ chi của ngành GTVT (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5395/VPCP-KTTH ngày 07/6/2018 của VPCP). Trong đó, đã đề nghị bố trí phần vốn còn thiếu cần bổ sung từ vốn dự phòng của Chính phủ giai đoạn 2016-2020 là 82,8 tỷ đồng. Sau khi được bố trí vốn, sẽ chi trả.

III. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Cử tri kiến nghị: *Đề nghị đẩy mạnh công tác quản lý và trồng rừng bổ sung trong đó quan tâm đến trồng rừng phòng hộ để ngăn thiên tai, hạn chế thiệt hại về tính mạng và tài sản cho Nhân dân, đặc biệt là đối với những tỉnh miền núi, nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ quét, lũ ống. Bên cạnh đó, cần thay đổi cơ chế chính sách trong việc quản lý rừng phòng hộ (cần thực hiện đóng cửa rừng toàn bộ và không quy định được sử dụng một phần như hiện nay dẫn đến tình trạng khai thác rút ruột các khu rừng phòng hộ).*

Trả lời:

1. Về đề nghị đẩy mạnh công tác quản lý và trồng rừng bổ sung trong đó quan tâm đến trồng rừng phòng hộ để ngăn thiên tai, hạn chế thiệt hại về tính mạng và tài sản cho Nhân dân, đặc biệt là đối với những tỉnh miền núi, nơi thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ quét, lũ ống.

Ngày 16/6/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 886/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020. Đồng thời đối với những tỉnh miền núi khó khăn Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2020. Thông qua các chính sách nêu trên, hàng năm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương triển khai nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, cụ thể: năm 2018 toàn quốc đã trồng

rừng được 231.523 ha, trong đó: rừng phòng hộ, đặc dụng 15.070 ha, kế hoạch năm 2019 sẽ triển khai trồng rừng được 6.337 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ 85 ha, kế hoạch năm 2019 sẽ tiếp tục trồng rừng 5.700 ha.

2. Về đề nghị cần thay đổi về cơ chế chính sách trong việc quản lý rừng phòng hộ (cần thực hiện đóng cửa rừng toàn bộ và không quy định được sử dụng một phần như hiện nay dẫn đến tình trạng khai thác rút ruột các khu rừng phòng hộ).

Ngày 08/8/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 71/NQ-CP về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, trong đó quy định “*Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nghiêm túc việc dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên*”. Hiện nay, hoạt động khai thác rừng tự nhiên (bao gồm cả gỗ 3 loại rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) đã được dừng trên phạm vi cả nước.

Đối với rừng phòng hộ là rừng trồng, được trồng chủ yếu theo phương thức hỗn loài giữa cây bản địa và cây mọc nhanh, cá biệt có trồng thuần loài cây mọc nhanh. Do đó, khi cây mọc nhanh đạt thành thực thì cần thiết phải khai thác để cho cây bản địa phát triển hoặc trồng lại rừng mới. Để tránh lợi dụng, trong Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã quy định chặt chẽ việc khai thác rừng trồng phòng hộ phải đảm bảo các tiêu chí về mật độ, diện tích và cường độ để rừng sau khai thác vẫn phải đáp ứng được chức năng phòng hộ của rừng.

2. CỬ TRI KIẾN NGHỊ: Theo Quyết định số 2372/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh Vườn Quốc gia Ba Vì thì tổng diện tích đất quy hoạch của Vườn Quốc gia Ba Vì trên địa bàn huyện Kỳ Sơn là 2.262,03ha. Trong đó khoảng 720ha đất hiện do các hộ gia đình và một số tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đang quản lý và sử dụng (gồm: xã Yên Quang 472,77ha, xã Phú Minh 206,30ha, xã Dân Hòa 39,28ha, xã Phúc Tiến 1,5ha). Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình đã có văn bản đề nghị, trao đổi thông tin về các nội dung liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, đến nay vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn chưa được thực hiện triệt để. Do đó, cử tri đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện việc đánh giá tài sản trên đất đối với toàn bộ phần diện tích có rừng cần thu hồi, cân đối ngân sách để bố trí cho Vườn Quốc gia Ba Vì chi trả cho các đối tượng theo kết quả rà soát.

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 2372/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh diện tích Vườn Quốc gia Bà Vì tại tỉnh Hoà Bình đã thực hiện bàn giao diện tích Vườn Quốc gia Ba Vì thuộc địa giới hành chính tỉnh Hòa Bình. Trong biên bản bàn giao ngày 02/02/2015 không nêu các

tồn tại liên quan đến 720ha đất hiện do các hộ gia đình và một số tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đang quản lý và sử dụng như ý kiến của cử tri nêu.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Hòa Bình và sẽ chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ làm việc với địa phương để xử lý các nội dung cử tri nêu theo quy định.

IV. BỘ GIÁO DỤC

1. Cử tri kiến nghị: *Về vấn đề thu học phí nhiều cử tri cho rằng Chính phủ nên hướng tới mục tiêu miễn học phí cấp THCS và THPT công lập để giảm bớt khó khăn cho học sinh, nhất là học sinh các khu vực điều kiện kinh tế còn khó khăn, khuyến khích xã hội học tập. Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho các tỉnh miền núi, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên để học sinh có điều kiện học tập tốt hơn.*

Trả lời:

1. Về chính sách miễn, giảm học phí cấp THCS và THPT công lập

Tại Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 08/8/2018, Chính phủ đã thống nhất thông qua đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về chính sách miễn học phí đối với trẻ mầm non 5 tuổi, học sinh THCS trường công lập và hỗ trợ đóng học phí cơ sở ngoài công lập đối với trẻ em, học sinh diện phổ cập, đặc biệt đối với các thôn, xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn về ngân sách nhà nước, nên hiện nay Chính phủ chưa có chủ trương miễn học phí cho học sinh THPT. Riêng đối với học sinh THPT thuộc diện hộ nghèo, gia đình chính sách thì được miễn học phí và chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm 2020-2021.

3. Về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các tỉnh miền núi

Bộ GD&ĐT đã và đang phối hợp với các bộ, ngành hỗ trợ các địa phương còn khó khăn, ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất, cụ thể như sau:

- Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020: Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số tại Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018, trong đó nhiệm vụ cụ thể là hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc nội trú, hỗ trợ cơ sở vật chất các trường/điểm trường phổ thông dân tộc nội trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tổng mức đầu tư là 4.401.696 triệu đồng, sẽ được giao trong 3 năm (2018, 2019, 2020) để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

- Về Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú: Đề án đã hỗ trợ tổng kinh phí đầu tư là 2.537 tỷ đồng để xây mới trường phổ thông dân tộc nội trú, xây dựng bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, phòng thư viện,

nhà tập đa năng, phòng ở nội trú cho học sinh, nhà ăn, phòng làm việc của cán bộ quản lý và giáo viên của các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Sau khi kết thúc Đề án, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện và nhu cầu thực tế của các địa phương, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-BGDĐT ngày 23/5/2016 về kế hoạch tiếp tục thực hiện Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2016-2020.

- Về Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà ở cho giáo viên tại các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo: Trong năm 2019 đến năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành đề nghị Chính phủ giao số vốn còn lại và khoản kinh phí dự phòng (10%) của Chương trình cho các địa phương để thực hiện (đến năm 2018 tổng số vốn trái phiếu Chính phủ được giao là 5.205,614 tỷ đồng đạt 96,4% vốn của cả giai đoạn).

- Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 với mục tiêu bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị trường học để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa trong giai đoạn 2017-2025, cụ thể: tập trung kiên cố hóa trường, lớp học; xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng (giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, tin học, ngoại ngữ, hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập, thư viện...); mua sắm bổ sung bàn ghế, máy tính, thiết bị phòng học ngoại ngữ...cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

3. Về nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên

Bộ GDĐT đã và đang chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT với các giải pháp sau:

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học. (Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục mầm non).

- Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên theo các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp được quan tâm chỉ đạo triển khai thông qua các hình thức khác nhau; hiện nay, Bộ đang triển khai nghiên cứu, xây dựng và ban hành mới chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp đáp ứng với yêu cầu đổi mới.

- Ban hành Chỉ thị 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao năng lực nhà giáo, trong đó có yêu cầu các cơ sở đào tạo giáo viên: i) Tiến hành rà soát, cập nhật, đổi mới nội dung, chương trình, giáo

trình, hình thức đào tạo; gắn yêu cầu kiến thức, nghiệp vụ sư phạm với năng lực, phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp giáo viên và yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; ii) Tăng cường tổ chức các chuyên đề, hoạt động ngoại khóa, thực hành, thực tập sư phạm để rèn các kỹ năng sư phạm, kỹ năng ứng xử, giải quyết tình huống sư phạm và bồi dưỡng đạo đức nhà giáo cho sinh viên sư phạm.

- Rà soát mạng lưới, quy mô và phương thức đào tạo của các cơ sở đào tạo giáo viên; triển khai Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); khảo sát nhu cầu sử dụng giáo viên của các địa phương làm căn cứ xác định chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên, nâng cao chất lượng đầu vào đối với ngành sư phạm thông qua việc giảm chỉ tiêu tuyển sinh, đồng thời xác định mức điểm sàn khá cao cho các ngành đào tạo giáo viên.

- Đang nghiên cứu xây dựng các quy định gắn kết hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên sư phạm; điều chỉnh, bổ sung các quy chế thực hành nghiệp vụ sư phạm, quy chế thực tập sư phạm của sinh viên sư phạm; nghiên cứu chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm trong thời gian học và sau khi ra trường; nghiên cứu, rà soát và đề xuất chế độ, chính sách tuyển dụng, sử dụng, lương, phụ cấp và thu nhập của giáo viên,...

2. Cử tri kiến nghị: *Đối với việc cải cách giáo dục cử tri rất quan tâm và đề nghị nên cải cách theo hướng thay đổi về khoa học công nghệ, chú trọng giáo dục đạo đức. Cần nhắc kỹ lưỡng và có giải pháp phù hợp đối với việc sử dụng 1 chương trình nhiều sách giáo khoa theo đề án mới, nghiên cứu để các bộ sách hướng dẫn không làm ảnh hưởng đến sách giáo khoa. Cử tri cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề in sách giáo khoa hiện nay gây lãng phí nguồn lực xã hội rất lớn.*

Trả lời:

1. Về đổi mới giáo dục theo hướng thay đổi về khoa học công nghệ, chú trọng giáo dục đạo đức

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) trân trọng cảm ơn ý kiến của cử tri vì sự quan tâm đối với vấn đề đổi mới giáo dục. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên toàn cầu, đòi hỏi sự thay đổi cung, cầu và cơ cấu lao động của mọi quốc gia, từ đó dẫn đến sự thay đổi của nền giáo dục tương ứng. Ngành Giáo dục đã và đang triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam” do Bộ GDĐT chủ trì thực hiện đã triển khai những nghiên cứu về những vấn đề cấp bách của giáo dục. Đến nay, gần 50 nhiệm vụ được xác định để triển khai thực hiện trong Chương trình. Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản đáp ứng được yêu cầu ưu tiên triển khai các nhiệm vụ có tính chất “gỡ nút thắt”, góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách trong đổi mới GDĐT, trong đó nổi bật là nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng dự án Luật Giáo dục (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại

học; quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học Việt Nam; tự chủ đại học; đổi mới hình thức thi tốt nghiệp; dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng tinh giản, hiện đại, cập nhật những nội dung cần thiết để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học – công nghệ, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp của học sinh; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên, chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường thời gian hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động xã hội. Đồng thời, vai trò của giáo dục khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) thể hiện ở những điểm sau: (i) có đầy đủ các môn học STEM; (ii) cải thiện rõ rệt vị trí của giáo dục tin học và giáo dục công nghệ; (iii) Yêu cầu dạy học tích hợp và đổi mới phương pháp giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông mới tạo điều kiện tổ chức các chủ đề STEM trong chương trình môn học, góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề thực tiễn cho học sinh; (iv) Tính mở của chương trình giáo dục phổ thông mới cho phép một số nội dung giáo dục STEM có thể được xây dựng thông qua nội dung giáo dục của địa phương, kế hoạch giáo dục của nhà trường và những hoạt động giáo dục được xã hội hóa.

- Đối với giáo dục đại học, nhờ nâng chuẩn chất lượng và có chính sách hỗ trợ cho nghiên cứu và các nhóm nghiên cứu, công bố quốc tế của Việt Nam đã đặc biệt tăng mạnh trong 3 năm gần đây, Việt Nam có khoảng 10.000 bài báo, nhưng 2 năm 2016-2017, đã công bố gần 15.000 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế. Đây mạnh nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học. Thành lập các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đại học; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, qua đó nâng cao chất lượng người học. Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp theo mô hình phối thuộc để đầu tư các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của các cơ sở đào tạo; nâng cao chất lượng nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ để ứng dụng vào thực tiễn.

Bộ GDĐT đã chú trọng giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên bằng nhiều giải pháp như: Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020. Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; đẩy mạnh công tác tư vấn tâm lý học đường và các hoạt động văn hóa trong trường học; đang chỉ đạo xây dựng và triển khai có hiệu quả quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học từ năm học 2019-2020.

2. Về một chương trình nhiều sách giáo khoa

Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội khóa XIII về đổi mới chương trình, sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông (Nghị quyết 88) đã nêu chủ trương “Thực hiện xã hội hóa biên soạn SGK; có một số SGK cho mỗi môn

học”. Phương án “một chương trình và có một số SGK cho mỗi môn học” có nhiều ưu điểm: huy động được trí tuệ, vật lực của các nhà xuất bản, các tổ chức và cá nhân có năng lực tham gia biên soạn SGK; tạo cơ hội có nhiều SGK phù hợp với từng vùng miền, đặc điểm của từng địa phương, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng SGK; tránh được hiện tượng độc quyền; tạo ra được sự cạnh tranh tích cực trong biên soạn, in ấn, phát hành, ... SGK; làm thay đổi nhận thức và nâng cao năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong lựa chọn, sử dụng tài liệu dạy học, đổi mới phương pháp dạy học, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo yêu cầu của chương trình; khắc phục tình trạng giáo viên bị động, phụ thuộc vào SGK, dẫn đến tình trạng dạy rập khuôn, máy móc.

SGK cụ thể hóa các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông. Việc có nhiều SGK và giao quyền cho các cơ sở giáo dục được lựa chọn SGK sẽ giúp cho học sinh và nhà trường chủ động hơn trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, không ảnh hưởng đến tính thống nhất trong hệ thống giáo dục, các nhà trường có nhiều lựa chọn phù hợp với trình độ học sinh, điều kiện dạy học, đồng thời chống độc quyền trong xuất bản và phát hành SGK. Để đảm bảo các yêu cầu về nội dung, hình thức của SGK theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, đảm bảo được tính ổn định và SGK được sử dụng lâu dài, Bộ GDĐT đã ban hành tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK.

Để hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông lựa chọn SGK sử dụng trong nhà trường tốt hơn, tránh lãng phí, Bộ GDĐT đang soạn thảo Thông tư hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng giao quyền cho các nhà trường, giáo viên lựa chọn, tham khảo ý kiến của học sinh và phụ huynh học sinh.

3. Về in sách giáo khoa hiện nay

Việc xuất bản, phát hành SGK hiện hành được thực hiện theo các quy định tại: Luật Giáo dục, Luật Xuất bản, Nghị quyết số 40/2000/QH10 ngày 09/12/2000 của Quốc hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ GDĐT xây dựng chương trình, tổ chức biên soạn SGK để thực hiện trên phạm vi cả nước từ năm học 2002 – 2003; Bộ GDĐT đã chỉ đạo thành lập đội ngũ tác giả và tổ chức biên soạn SGK; thành lập Hội đồng quốc gia thẩm định SGK và tổ chức thẩm định SGK các môn học.

Tại thời điểm đó, có nhiều nhà xuất bản (NXB) tham gia hoạt động xuất bản sách. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Xuất bản, việc thành lập NXB phải đáp ứng điều kiện là có tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản, nên trước năm 2017 chỉ có NXB Giáo dục Việt Nam (GDVN) được cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản quy định chức năng, nhiệm vụ xuất bản SGK. Bên cạnh một số ưu điểm (như tập trung nguồn lực biên soạn, bảo đảm sự thống nhất về nội dung và chất lượng SGK, chủ động kiểm soát được giá SGK và phân phối SGK...), việc chỉ có một bộ SGK do một NXB thực

hiện cũng có nhiều bất cập như: không huy động được các nguồn lực xã hội tham gia việc biên soạn SGK; chưa tạo ra nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, có cạnh tranh về chất lượng và giá cả, phù hợp với lợi ích của người học...

Thực hiện chủ trương “xã hội hóa việc biên soạn SGK” của Nghị quyết 88/2014/QH13, từ cuối năm 2017, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp phép thêm cho 05 NXB tham gia sản xuất SGK theo quy định của pháp luật và xem xét cấp phép cho các NXB khác nếu có đủ điều kiện.

Bộ GDĐT cũng đã cụ thể hóa một số quy định về chương trình, SGK trong dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi), đồng thời chuyển một số quy định trong Nghị quyết số 88/2014/QH13 thành các quy định của Luật.

3. CỬ TRI KIẾN NGHỊ: *Thời gian qua Nhà nước có nhiều quan tâm, nỗ lực trong quản lý tình trạng dạy thêm, học thêm, trong đó đã ban hành Nghị định quy định xử phạt các trường hợp dạy thêm không đúng quy định. Tuy nhiên, tình trạng dạy thêm, học thêm vẫn không giảm. Cử tri cho rằng, việc quản lý, xử phạt các trường hợp dạy thêm chỉ là “phân ngọn” của vấn đề, nguyên nhân chính của tình trạng này là do áp lực thi cử. Hiện nay, chương trình thi quá nặng nề và cao hơn chương trình học ở trường nên học sinh và phụ huynh không an tâm, dẫn đến nhu cầu học thêm của học sinh. Cử tri đề nghị ngành giáo dục cần nghiên cứu, quy định chương trình, nội dung các kỳ thi cần phù hợp với nội dung, chương trình học, đề thi phải sát với chương trình học của các cấp, đảm bảo tính khoa học để đánh giá trình độ học tập của học sinh một cách khách quan, giảm áp lực học tập, thi cử, kéo giảm tình trạng dạy thêm, học thêm.*

Trả lời:

Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định việc giảm tải chương trình, giảm tải áp lực thi cử là giải pháp quan trọng nhằm từng bước khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm sai quy định.

- Để hạn chế, khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm sai quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang tiếp tục chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017, tiếp tục tinh giản nội dung dạy học đảm bảo không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình, tăng cường hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức; thực hiện nghiêm việc kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, không nặng về kiểm tra kiến thức; tăng cường giáo dục phẩm chất, thể chất, kiến thức, kỹ năng sống cho học sinh...

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 22). Việc đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22 đã tạo chuyển biến trong nhận thức về đánh giá chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trách nhiệm,

tâm huyết hơn với học sinh, với công việc; giáo viên bước đầu đổi mới phương pháp dạy học, điều chỉnh hình thức tổ chức, nội dung dạy học phù hợp với đối tượng học sinh; gần gũi, sâu sát và hiểu học sinh hơn; toạ hính thú, niềm vui cho các em; tăng cường sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường trong việc giáo dục học sinh. Đổi mới đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22 cũng bước đầu khắc phục tình trạng học tập chạy theo thành tích, làm giảm áp lực học tập cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục giữ ổn định về phương thức tổ chức thi trung học phổ thông quốc gia như các năm 2017, 2018 để không ảnh hưởng đến quá trình dạy và học của giáo viên, học sinh. Trong đó, việc ra đề thi sẽ bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình cấp trung học phổ thông, chủ yếu là chương trình lớp 12; đảm bảo ngưỡng cơ bản để xét tốt nghiệp trung học phổ thông và có độ phân hóa phù hợp để các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp làm cơ sở cho tuyển sinh.

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, bảo đảm yêu cầu giảm tải, giảm hàn lâm, gắn với thực tiễn.

Tiếp thu ý kiến của cử tri, thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tăng cường chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục thực hiện tốt phương pháp giáo dục tích cực, tăng cường hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm cho học sinh; kiểm tra, đánh giá, thi cử nhẹ nhàng, không nặng về kiểm tra kiến thức mà tập trung đánh giá sự phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục theo hướng tăng xử phạt trong dạy thêm, học thêm không đúng quy định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh/thành phố tiếp tục giám sát và yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là người đứng đầu cơ sở giáo dục để xây ra sai phạm.

V. BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Cử tri kiến nghị: *Đề nghị giải quyết cho người tham gia kháng chiến bị mất giấy tờ hoặc hư hỏng không khôi phục được, nhất là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.*

Trả lời:

Hiện nay, giấy tờ làm căn cứ chứng minh thời gian ham gia kháng chiến ở vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học để làm căn cứ xem xét giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học quy định tại Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 và Khoản 1 Điều 5

Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với trường hợp người tham gia kháng chiến không còn giấy tờ chứng minh thời gian hoạt động ở vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học theo quy định nêu trên thì hiện nay chưa có cơ sở xem xét giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ nghiên cứu, sửa đổi toàn diện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo đơn giản về thủ tục hồ sơ nhưng chặt chẽ để ngăn ngừa tình trạng khai man hồ sơ, xác nhận sai sự thật để hưởng chế độ ưu đãi.

2. Cử tri kiến nghị: Đề nghị quan tâm, nghiên cứu, bổ sung các chính sách đào tạo ngành nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn để giải quyết nhu cầu việc làm, tăng thêm thu nhập, đảm bảo cuộc sống cho người dân.

Trả lời:

Để giải quyết nhu cầu việc làm, tăng thêm thu nhập, đảm bảo cuộc sống của người dân, trong những năm qua, Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số là một trong các đối tượng được ưu tiên hỗ trợ dạy nghề, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại,... Ngoài ra, người dân tộc thiểu số còn được hỗ trợ học nghề theo các chính sách được quy định tại một số văn bản như:

- Quyết định số Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

- Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP.

- Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015.

- Chính sách hỗ trợ dạy nghề đối với thanh niên người dân tộc thiểu số ở những xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 (giai đoạn II).

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo thuộc các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn được hưởng theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động thực hiện đào tạo nghề ngắn hạn đối với người dân tộc thiểu số để tuyển dụng vào làm việc tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Một số chính sách đặc thù đối với người học, người dạy ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ, theo Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy, nhìn chung các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số đã được ban hành và triển khai. Tiếp thu kiến nghị của cử tri, thời gian tới Bộ sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá lại các chính sách; mở rộng triển khai đối với các khu vực và đối tượng hỗ trợ, đảm bảo mọi người có nhu cầu đều được tiếp cận và tham gia các chương trình đào tạo phù hợp.

3. Cử tri kiến nghị: *Cử tri đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Lao động theo hướng tăng tuổi nghỉ hưu để có thêm thời gian cống hiến công sức, trí tuệ cho xã hội, giảm bớt gánh nặng chi trả bảo hiểm xã hội*

Trả lời:

Ngày 23/5/2018 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, trong đó có nội dung thực hiện điều chỉnh tăng tuổi nghỉ hưu theo lộ trình.

Việc điều chỉnh tuổi nghỉ hưu là xu hướng tất yếu đang diễn ra ở hầu hết các nước. Đối với Việt Nam việc điều chỉnh tuổi nghỉ hưu nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng và cơ cấu dân số; bình đẳng giới, cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội trong dài hạn; xu hướng già hóa dân số; tính chất, loại hình lao động và giữa các ngành nghề, lĩnh vực. Việc điều chỉnh tuổi nghỉ hưu cần có tầm nhìn dài hạn và có lộ trình phù hợp với tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, thất nghiệp; không gây tác động tiêu cực đến thị trường lao động.

Từ năm 2021, thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định độ tuổi nghỉ hưu, đối với ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm hơn, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung.

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang được giao chủ trì soạn thảo dự án Bộ luật Lao động (sửa đổi). Liên quan đến việc tăng tuổi nghỉ hưu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ bám sát nội dung cải cách nêu trên của Nghị quyết số 28-NQ/TW để tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đánh giá tổng thể và đề xuất phương án phù hợp trình Chính phủ, Quốc hội.

4. Cử tri kiến nghị: *Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã dành nhiều chính sách và nguồn lực để đảm bảo an sinh xã hội. Một trong những giải pháp đối với hộ nghèo đó là chính sách hỗ trợ bằng tiền. Chính sách này tuy đã giải quyết phần nào khó khăn cho bà con nhân dân nhưng cử tri thấy rằng việc hỗ*

trợ bằng tiền không phải là chính sách mang tính lâu dài, nhất thời và khó có thể nâng được mức đời sống cho người dân. Do đó, cử tri đề nghị Đảng, Nhà nước tiếp tục quan tâm, nghiên cứu, điều chỉnh để ban hành những chính sách an sinh xã hội mang tính lâu dài hơn nhằm cải thiện đời sống cho người dân, giúp những người dân nghèo thực sự vươn lên.

Trả lời:

Trong thời gian qua, các Bộ, ngành đã ban hành và tham mưu trình ban hành các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo hướng giảm hỗ trợ cho không, hỗ trợ bằng tiền chuyển sang hỗ trợ có điều kiện, có hoàn trả, nâng mức hỗ trợ (như bãi bỏ Quyết định 102/2009/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn, chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, hoặc nâng hạn mức tín dụng cho vay hộ nghèo từ 50 triệu lên 100 triệu,...)

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, trong thời gian tới, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện chính sách để công tác giảm nghèo ngày càng hiệu quả và mang tính bền vững cao.

VI. BỘ NỘI VỤ

1. Cử tri kiến nghị: *Cử tri đề nghị đẩy mạnh cải cách, điều chỉnh để khắc phục những bất cập đang tồn tại như: Mức lương thấp trong khi đời sống ngày một cao, việc trả lương còn mang tính cào bằng, tiền lương chưa phù hợp với vị trí việc làm, không phản ánh đúng năng lực, kết quả công tác.*

Trả lời:

Chế độ tiền lương hiện hành đã phát sinh những hạn chế, bất cập như cử tri phản ánh. Vì vậy, Hội nghị Trung ương 7 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW); tại Điểm 1.2 Khoản 1 Mục II của Nghị quyết số 27-NQ-TW đã xác định: “Cải cách chính sách tiền lương phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế, bất cập của chính sách tiền lương hiện hành; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; có lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực của đất nước”. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 107/NQ-CP), trong đó đã giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan ở Trung ương xây dựng chế độ tiền lương hiện hành, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành theo định hướng cải cách chính sách tiền lương nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

2. Cử tri kiến nghị: *Cử tri đề nghị xem xét nâng lương cho giáo viên mầm non, phù hợp với tính chất công việc cũng như hệ thống giáo dục.*

Trả lời:

Tại Điểm e Khoản 4 Mục II của Nghị quyết số 107/NQ-CP, Chính phủ đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất và phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng bảng lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo và phụ cấp ưu đãi theo nghề (nếu có) đối với viên chức chuyên ngành giáo dục và đào tạo (trong đó có giáo viên mầm non), gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, hoàn thành trong quý III năm 2019 gửi Bộ Nội vụ để cân đối và tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Bộ giáo dục và Đào tạo trong quá trình xây dựng chế độ tiền lương đối với viên chức chuyên ngành giáo dục và đào tạo (trong đó có giáo viên mầm non như ý kiến cử tri phản ánh), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để thực hiện từ năm 2021.

3. Cử tri kiến nghị: Đề nghị cơ quan chức năng xem xét, giải quyết chế độ chính sách đối với trường hợp Liệt sĩ Bùi Văn Dù (quê quán xã Xuân Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình), trước khi hi sinh thuộc Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 165, Sư đoàn 7, Quân đoàn 4, Bộ Quốc phòng, được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” tại Quyết định số 2557/QĐ-CTN ngày 09/10/2014. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2, Điều 73, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ thì tiền thưởng chỉ áp dụng đối với tập thể, cá nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chưa quy định mức tiền thưởng, do vậy thân nhân liệt sĩ Bùi Văn Dù không được hưởng tiền thưởng kèm theo. Đề nghị cơ quan chức năng xem xét, giải quyết.

Trả lời:

Việc truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” trong thời kỳ kháng chiến nhằm ghi nhận công lao của các liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Trường hợp được truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến thì đại diện thân nhân hay người thờ cúng được hưởng trợ cấp một lần và các chế độ chính sách khác theo quy định tại Điều 18 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Điều 26 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ. Trường hợp cử tri nêu nếu chưa được hưởng các chính sách nêu trên, đề nghị liên hệ với cơ quan làm công tác lao động, thương binh và xã hội ở địa phương để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

4. Cử tri kiến nghị: Cử tri đề nghị Đảng, Nhà nước tiếp tục quan tâm kéo dài việc thụ hưởng chính sách thu hút cán bộ, công chức các xã vùng 135 để động viên, khích lệ cán bộ vùng khó khăn được quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010. Theo đó, quy định cán bộ, công chức công tác tại vùng này chỉ được hưởng chính sách thu hút 5 năm, sau 5 năm không được hưởng các chế độ theo chính sách thu hút trong khi xã này vẫn đang thụ hưởng chính sách Chương trình vùng 135.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì phụ cấp thu hút áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc ở những vùng kinh tế mới, cơ sở kinh tế và đảo xa đất liền có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn, gồm 4 mức: 20%; 30%; 50% và 70% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), thời gian hưởng phụ cấp thu hút từ 3 đến 5 năm. Để đồng bộ với quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP nêu trên thì tại Điều 4 Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã quy định thời gian hưởng phụ cấp thu hút không quá 5 năm với mức 70% đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Việc quy định thời gian hưởng phụ cấp thu hút tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP nêu trên phù hợp với ý nghĩa thiết kế của chế độ phụ cấp thu hút.

Ngoài chế độ phụ cấp thu hút thì cán bộ, công chức, viên chức được hưởng phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm 03 mức: Từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm được hưởng 0,5 mức lương cơ sở; từ đủ 10 năm đến dưới 15 năm được hưởng 0,7 mức lương cơ sở; từ đủ 15 năm trở lên được hưởng 1,0 mức lương cơ sở.

Cùng với chế độ phụ cấp thu hút và phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP còn quy định: Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch; trợ cấp lần đầu và trợ cấp chuyển vùng; trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu và chế độ thanh toán tiền tàu xe đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Cử tri kiến nghị: *Cử tri tiếp tục đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều 3, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Theo đó, đề nghị ban hành quy định phù hợp đối với việc sáp nhập các xã vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Vì thực tế hiện nay, việc thực hiện sáp nhập các xóm, xã đối với các tỉnh miền núi trong quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như khoảng cách địa lý, hạ tầng giao thông, điều kiện kinh tế xã hội...*

Trả lời:

Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến kiến nghị của cử tri, tổng hợp báo cáo Chính phủ để có văn bản gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

VII. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Cử tri kiến nghị: Đề nghị tiếp tục xem xét, nghiên cứu kỹ lưỡng, tham khảo ý kiến của các chuyên gia và Nhân dân đối với việc xây dựng dự án Luật Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt, tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng để người dân nắm bắt, hiểu rõ các quy định của luật, vì đây là luật có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội cũng như an ninh quốc phòng của quốc gia được đông đảo cử tri đặc biệt quan tâm.

Trả lời:

Tại Nghị quyết số 64/2018/QH14 ngày 15/6/2018 về kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã nhất trí giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo việc tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu tối đa ý kiến xác đáng của các vị đại biểu Quốc hội, cơ quan, tổ chức, cán bộ lão thành, chuyên gia, nhà khoa học và Nhân dân để hoàn thiện dự án Luật Đơn vị hành chính – Kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp sau; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận trong cử tri và Nhân dân. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục nghiên cứu, triển khai.

VIII. BỘ TÀI CHÍNH

1. Cử tri kiến nghị: Đề nghị có chính sách miễn thu phí giám định đối với nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam vì phần lớn những trường hợp này đều có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không có khả năng chi trả dẫn đến việc không đầy đủ hồ sơ để được hưởng chính sách của Nhà nước theo quy định.

Trả lời:

- Căn cứ pháp luật phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Y tế, sau khi tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành và địa phương, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tại Điều 2, Thông tư số 243/2016/TT-BTC quy định: “2. Đối với thương binh, bệnh binh; người hưởng chính sách như thương binh; người hoạt động kháng chiến mắc bệnh, tật liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học; người khuyết tật, chi phí thẩm định cấp giấy chứng nhận y khoa được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, do tổ chức đề nghị giám định chi trả”.

- Tại Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động Thương binh Xã hội quản lý, quy định:

“Điều 8. Chi thanh toán chi phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa

1. Đối tượng được thanh toán là các trường hợp có hồ sơ đủ điều kiện được giám định theo quy định và được Sở LĐTBXH giới thiệu đến Hội đồng giám định y

khoa cấp tỉnh để yêu cầu giám định, gồm: a) Giám định lần đầu làm căn cứ xem xét, công nhận hưởng chế độ ưu đãi;

b) Giám định lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động (kể cả trường hợp phải chuyển hồ sơ đến Hội đồng giám định y khoa cấp Trung ương khám giám định phúc quyết, Hội đồng giám định y khoa do Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập khám giám định phúc quyết lần cuối).

...3. Trường hợp đã được giám định y khoa nhưng không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp trung ương, có đơn đề nghị được giám định lại và được Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp trung ương chuyển hồ sơ, giới thiệu lên Hội đồng giám định y khoa cấp cao hơn: Căn cứ kết quả khám giám định phúc quyết hoặc khám giám định phúc quyết lần cuối, nếu kết quả khám giám định đúng như đề nghị của đối tượng thì chi phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa do Sở LĐTBXH thanh toán; nếu kết quả khám giám định không đúng như đề nghị của đối tượng thì chi phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa do đối tượng đề nghị tự chi trả”.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 243/2016/TT-BTC và Thông tư số 101/2018/TT-BTC: Người hoạt động kháng chiến mắc bệnh, tật liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học khi được thẩm định cấp giấy giám định y khoa thì không phải nộp phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa. Chi phí (trong đó bao gồm cả phí) thẩm định cấp giấy giám định y khoa cho người hoạt động kháng chiến mắc bệnh, tật liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính.

2. CỬ TRI KIẾN NGHỊ: *Cử tri đề nghị Chính phủ chỉ đạo thực hiện dứt điểm việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh cho doanh nghiệp, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, Chính phủ cũng cần cân nhắc, đưa ra những biện pháp hợp lý để việc cổ phần các doanh nghiệp nhà nước không bị thu tóm giá rẻ, gây thất thoát lớn cho nguồn lực nhà nước.*

Trả lời:

1. Kế hoạch và tình hình thực tế triển khai công tác cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020

Ngày 28/12/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020, trong đó Nhà nước chỉ nắm 100% vốn điều lệ tại 103 doanh nghiệp hoạt động trong 11 lĩnh vực.

Theo công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì giai đoạn 2017-2020 cổ phần hóa 127 doanh nghiệp. Lũy kế giai đoạn 2016-2018, đã có 159 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị doanh nghiệp là 442.275 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 206.024 tỷ đồng (tuy nhiên chỉ có 29 doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc danh

mục phải cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN). Trong 03 tháng đầu năm 2019 chưa có doanh nghiệp nào được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa. Như vậy, tiến độ triển khai cổ phần hóa giai đoạn 2017-2018 và 3 tháng đầu năm 2019 còn chậm, không đạt được theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017.

Nguyên nhân chủ yếu của việc cổ phần hóa không đạt được như kế hoạch đề ra là:

- Một số Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước còn chưa thực sự nghiêm túc triển khai kế hoạch cổ phần hóa DNNN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Quá trình cổ phần hóa DNNN cần có nhiều thời gian để xử lý vướng mắc về tài chính, đất đai, lao động trong giai đoạn trước cổ phần hóa làm kéo dài thời gian thực hiện cổ phần hóa.

- Tỷ lệ vốn nhà nước trong phương án cổ phần hóa DNNN còn cao dẫn đến giảm sức hút đối với các nhà đầu tư mua cổ phần, ảnh hưởng đến thành công của việc cổ phần hóa.

2. Để tiếp tục đẩy mạnh công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN, bên cạnh việc tập trung khắc phục những tồn tại hạn chế thời gian qua, tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, nghiêm túc, khẩn trương, quyết liệt triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, chỉ đạo tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN theo Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII, Nghị quyết số 60/NQ-QH14 của Quốc hội, tạo sự nhất trí cao trong toàn hệ thống chính trị để nâng cao hơn nữa nhận thức và có hành động quyết liệt, cụ thể trong thực hiện.

- Thủ trưởng, người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai thực hiện đúng tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục DNNN thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg; thực hiện việc cổ phần hóa theo đúng kế hoạch tại văn bản số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017.

- Các DNNN thuộc diện cổ phần hóa cần khẩn trương rà soát toàn bộ quỹ đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến về phương án và giá đất để cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo đúng quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

3. Về kiến nghị Chính phủ cân nhắc, đưa ra những biện pháp hợp lý để việc cổ phần các doanh nghiệp nhà nước không bị thu tóm giá rẻ, gây thất thoát lớn cho nguồn lực nhà nước, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá quá trình cổ phần hóa trong giai đoạn 2011-2016, bám sát Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, ngày 16/11/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/2017/NĐ-CP về chuyển DNNN và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Bộ Tài chính đã ban hành 02 Thông tư hướng dẫn Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (Thông tư số 40/2018/TT-BTC và Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018) tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nói chung và chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần nói riêng trong thời gian tới, ngăn chặn thất thoát vốn và tài sản nhà nước, nhất là công tác xác định giá trị tài sản, đất đai của doanh nghiệp cổ phần hóa như:

- Nghị định đã quy định các tổ chức tư vấn định giá chủ động áp dụng các phương pháp định giá tiên tiến phù hợp với cơ chế thị trường, tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp thích hợp để xác định giá trị doanh nghiệp và đảm bảo mỗi doanh nghiệp cổ phần hóa phải được áp dụng tối thiểu hai (02) phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản là giá trị tối thiểu để cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định. Khi xác định giá trị đối với một số doanh nghiệp đặc thù, cơ quan tư vấn xác định để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch, bề dày truyền thống.

- Về xử lý đất đai và xác định giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa, doanh nghiệp phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý phương án sử dụng đất trước khi xác định giá trị doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần mới có ý kiến của địa phương về phương án sử dụng đất.

- Về việc xác định giá trị doanh nghiệp là căn cứ quan trọng để xác định giá khởi điểm bán cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa không điều chỉnh sổ sách kế toán theo kết quả xác định lại. Doanh nghiệp cổ phần hóa không điều chỉnh số liệu sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu công bố giá trị doanh nghiệp. Kết quả công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan đại diện chủ sở hữu là một căn cứ quan trọng để xác định giá khởi điểm thực hiện đấu giá bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Đối với những diện tích đất được giao để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để bán và xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê theo phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp và thực hiện nộp ngân sách nhà nước. Giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích đất được giao do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được giao) quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai.

- Đối với diện tích đất còn lại theo phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp thực hiện hình thức thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và trả tiền thuê đất hàng năm theo giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích đất được thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được thuê) quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai.

Sau cổ phần hóa, công ty cổ phần phải thực hiện quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp theo đúng mục đích, đúng phương án sử dụng của toàn bộ diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì phải thực hiện thu hồi để đấu giá theo quy định của Luật Đất đai.

Như vậy, hệ thống cơ chế chính sách về cổ phần hóa đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, theo đúng chủ trương của Đảng, hệ thống pháp luật của Nhà nước; thường xuyên được tổng kết, sửa đổi để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc khi cổ phần hóa DNNN nhằm hạn chế tối đa các khả năng thất thoát vốn và tài sản nhà nước.

Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế triển khai công tác cổ phần hóa DNNN, đã kịp thời ban hành đầy đủ hoặc chỉ đạo các cơ quan liên quan ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để hướng dẫn các đơn vị thực hiện triển khai cổ phần hóa, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Bộ Tài chính ghi nhận kiến nghị của cử tri tỉnh Hòa Bình để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách cổ phần hóa theo hướng công khai, minh bạch, theo cơ chế thị trường, đảm bảo tối đa lợi ích của nhà nước khi cổ phần hóa.

IX. BỘ CÔNG AN

1. Cử tri kiến nghị: *Tình trạng cho vay “nóng” với lãi suất cao và đòi nợ theo kiểu “xã hội đen”, huy động dưới dạng chơi hụi (họ) đang diễn ra khá phổ biến với chiều hướng ngày càng nghiêm trọng, phức tạp và tinh vi; tội phạm trộm cắp, ma túy, “bảo kê”, ... diễn ra tràn lan, không ít vụ việc có sự “bảo kê” của lực lượng Công an làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội ở nhiều địa phương. Đề nghị quan tâm, có giải pháp căn cơ, chỉ đạo các địa phương siết chặt quản lý địa bàn để xử lý tình trạng này. Đồng thời, đánh giá hiệu quả tác động đến phát triển kinh tế - xã hội, an toàn, trật tự xã hội đối với các công ty tài chính, tổ chức cho vay cầm đồ để có chính sách xử lý phù hợp.*

Trả lời:

Thời gian qua, hoạt động “tín dụng đen” diễn ra rất phức tạp tại nhiều địa phương trên toàn quốc, kéo theo các hoạt động đòi nợ, siết nợ trái pháp luật, dẫn

đến nhiều loại tội phạm như giết người, cố ý gây thương tích, cưỡng đoạt tài sản... Bên cạnh đó, số người nghiện ma túy đang ở ngoài xã hội còn nhiều, là nguyên nhân, điều kiện phát sinh nhiều loại tội phạm khác, nhất là tội phạm trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản... gây lo lắng, bức xúc trong nhân dân ở một số nơi.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình, lực lượng Công an nhân dân đã tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, liên tục triển khai nhiều cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, các chương trình, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế sự gia tăng tội phạm, góp phần giữ vững an ninh, trật tự, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Riêng năm 2018, phạm pháp hình sự trên toàn quốc giảm 0,61% số vụ so với năm 2017, hầu hết các loại tội phạm đều giảm về số vụ (trong đó, tội trộm cắp tài sản đã giảm 4,36%; đã phát hiện, triệt xóa hàng trăm cơ sở, bắt giữ hàng trăm đối tượng hoạt động phạm tội liên quan “tín dụng đen”; số vụ phạm tội về ma túy phát hiện nhiều hơn 6,33% thu giữ ma túy tăng gần 250kg, ước tính hơn 3 tấn ma túy và hơn 1 triệu viên ma túy tổng hợp). Có thể khẳng định, những kết quả đạt được là rất quan trọng. Tuy nhiên, hoạt động của tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, có lúc, có nơi gây lo lắng, bức xúc trong nhân dân như cử tri đã phản ánh.

Tiếp thu kiến nghị của cử tri, trong thời gian tới Bộ Công an sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải quyết những vấn đề trên, tập trung làm tốt các giải pháp trọng tâm sau:

- Tham mưu với Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về tăng cường đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến “tín dụng đen”, trong đó đề xuất phân công trách nhiệm cụ thể cho các Bộ, ngành liên quan để phát huy sức mạnh tổng hợp trong giải quyết vấn đề này; trong đó nêu đánh giá và tăng cường quản lý hoạt động của các hình thức kinh doanh tài chính, cầm đồ hạn chế tác động tiêu cực đối với xã hội.

- Phối hợp tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, đấu tranh và tố giác tội phạm, ủng hộ, phối hợp với các lực lượng thực thi pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm... Thực hiện tốt công tác quản lý đối tượng, quản lý người nghiện tại địa bàn cơ sở nhằm ngăn ngừa, chủ động đấu tranh khi tội phạm xảy ra.

- Tập trung thực hiện tốt công tác nghiệp vụ, rà soát đấu tranh, triệt phá các băng, nhóm tội phạm, tội phạm; tiếp tục trấn áp mạnh tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”; triệt xóa các đường dây ma túy lớn liên tuyến, liên tỉnh, xuyên quốc gia, giải quyết các tụ điểm phức tạp về ma túy tại địa bàn cơ sở.

- Làm tốt công tác tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; điều tra, xử lý nghiêm các đối tượng phạm tội góp phần răn đe tội phạm.

- Tăng cường công tác xây dựng lực lượng Công an trong sạch, vững mạnh, thực hiện nghiêm các quy chế, quy trình công tác; thường xuyên thanh tra, kiểm tra,

phát hiện xử lý nghiêm các vi phạm, tiêu cực, nhất là các trường hợp “bảo kê” cho tội phạm (nếu có).

X. THANH TRA CHÍNH PHỦ

1. Cử tri kiên nghị: *Cử tri phản ánh trong những năm qua công tác phòng, chống tham nhũng đã được Đảng, Nhà nước quan tâm và đạt được những kết quả đáng mừng. Tuy nhiên, cử tri cho rằng vấn đề này vẫn chưa được xử lý triệt để, các vụ án tham nhũng lớn, tham nhũng vặt vẫn đang thường xuyên diễn ra, đặc biệt là lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng. Đề nghị tiếp tục quan tâm và có cơ chế giám sát chặt chẽ vấn đề này.*

Trả lời:

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã thể hiện quyết tâm chính trị rất cao và luôn xác định công tác PCTN là lĩnh vực khó khăn, phức tạp, phải tiến hành kiên trì, liên tục để ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng. Với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, công tác PCTN trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác PCTN đã được chỉ đạo quyết liệt, có bước tiến mạnh, đạt được nhiều kết quả toàn diện, rõ rệt, để lại dấu ấn tốt; tham nhũng đang từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi, có chiều hướng thuyên giảm. Công tác PCTN đã tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Tuy vậy, tình hình tham nhũng vẫn còn biểu hiện diễn biến phức tạp. Tình trạng “tham nhũng vặt”, những nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công vẫn xảy ra nhiều ở nhiều nơi, gây bức xúc cho người dân và doanh nghiệp. Công tác PCTN ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Một số lĩnh vực như Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; đấu thầu; đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công... còn để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, trong đó có nhiều vụ việc gây thất thoát lớn. Mặc dù nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, kể cả những vụ việc tồn tại từ nhiều năm trước đã được phát hiện, xử lý nghiêm minh nhưng hậu quả đối với xã hội còn phải khắc phục lâu dài (vụ án Dương Chí Dũng; vụ án Vũ Quốc Hào; vụ án Huỳnh Thị Huyền Như; vụ án Phạm Công Danh; vụ án Hà Văn Thắm; vụ án Giang Kim Đạt; vụ án Đinh La Thăng; vụ án Trịnh Xuân Thanh; vụ án Phan Văn Anh Vũ (Vũ Nhôm); vụ án Đinh Ngọc Hệ (Út trọc); vụ án đánh bạc và tổ chức đánh bạc xảy ra tại Phú Thọ và một số địa phương...).

Để có cơ chế giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn ngừa hậu quả của hành vi tham nhũng, Chính phủ cũng yêu cầu tập trung chỉ đạo thanh tra, điều tra các việc, vụ án lớn được dư luận quan tâm để kịp thời phát hiện, truy tố, xử lý nghiêm minh trước pháp luật theo tinh thần không có vùng cấm, tất cả hành vi vi phạm đều phải được xử lý đúng pháp luật. Ngoài các vụ án tham nhũng lớn thì Chính phủ cũng đặc biệt quan tâm đến tình trạng tham nhũng vặt, những nhiễu gây phiền hà cho nhân dân, doanh nghiệp. Với nhận thức rằng tham nhũng vặt nếu

không được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh thì sẽ là môi trường dung dưỡng, làm nảy sinh tham nhũng lớn. Vừa qua, Thanh tra Chính phủ đã xây dựng Dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường ngăn chặn, xử lý có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc, đã lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và trình Thủ tướng Chính phủ. Chỉ thị sẽ đưa ra nhiều giải pháp tích cực và khả thi để tăng cường cơ chế giám sát chặt chẽ, giải quyết tình trạng tham nhũng, nhũng nhiễu nói chung và nhất là trong một số lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tham nhũng như đất đai, đầu tư xây dựng...

2. Cử tri kiến nghị: *Cử tri đề nghị Chính phủ cần chỉ đạo quyết liệt, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng từ Trung ương đến địa phương; có biện pháp thu hồi, sung quỹ Nhà nước toàn bộ tài sản tham nhũng nhằm thượng tôn pháp luật, giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin trong Nhân dân.*

Trả lời:

Để đảm bảo thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 21/01/2019 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, trong đó xác định các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả. Các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan phải có lộ trình cụ thể để bảo đảm từ ngày 01/7/2019 Luật được thực hiện thống nhất, đầy đủ, đồng bộ trên phạm vi cả nước.

Thanh tra Chính phủ hiện đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; Đề án về xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Đề án về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021. Chính phủ cũng đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới hoặc đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để bảo đảm phù hợp với Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Việc xây dựng các Nghị định, Đề án, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trên sẽ là cơ sở quan trọng để công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả hơn nữa; đặc biệt trong việc xác minh, xử lý việc kê khai tài sản kê khai không trung thực; xử lý nghiêm những đối tượng tham nhũng, trách nhiệm của người đứng đầu (không có vùng cấm) và cơ quan được giao nhiệm vụ triển khai các dự án thua lỗ, đắp chiếu, đội vốn,...

Trong thời gian qua, các ngành, các cấp đã chủ động thông tin, công khai cho báo chí về kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế; những vấn đề dư luận xã hội quan

tâm trong xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, giúp định hướng tốt dư luận xã hội để người dân hiểu rõ hơn về những khó khăn, phức tạp, cũng như khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong PCTN. Đồng thời, Luật PCTN năm 2018 cũng quy định cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ hoặc đột xuất về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, về công tác phòng, chống tham nhũng và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật về báo chí. Người ra quyết định thanh tra, người ra quyết định kiểm toán có trách nhiệm công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng. Việc công khai Kết luận thanh tra, Báo cáo kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, pháp luật về kiểm toán nhà nước.

3. Cử tri kiến nghị: *Cử tri có ý kiến cho rằng, việc kê khai tài sản đối với cán bộ, công chức có chức vụ chưa phải là biện pháp khắc phục hữu hiệu trong công tác phòng, chống tham nhũng. Đề nghị tăng cường hơn nữa vai trò giám sát, thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực này.*

Trả lời:

Kê khai tài sản được xác định là một trong những biện pháp quan trọng góp phần phòng, chống tham nhũng. Pháp luật đã có những quy định rõ về kê khai tài sản nhằm giúp cơ quan chức năng phát hiện, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, tiêu cực. Tuy nhiên, việc thực hiện quy định này chưa đạt hiệu quả như mong muốn, đòi hỏi phải đổi mới về nội dung, hình thức và có cơ chế kiểm soát kê khai hiệu quả hơn. Đề kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6 đã có quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; giao trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể cho các cơ quan kiểm soát tài sản; mở rộng một cách hợp lý diện đối tượng có nghĩa vụ kê khai, hợp lý hóa việc công khai bản kê khai; quy định việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh tài sản, thu nhập hàng năm với đối tượng được lựa chọn ngẫu nhiên; quy định cụ thể, chặt chẽ về trình tự, thủ tục tiến hành xác minh, công khai kết quả xác minh tài sản, thu nhập...

Hiện nay Thanh tra Chính phủ đang xây dựng Nghị định quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; trong đó quy định hoàn thiện hơn hệ thống cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng tập trung, thu gọn đầu mối, bảo đảm tính chuyên nghiệp, độc lập trong kiểm soát tài sản thu nhập. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập được bổ sung nhiều thẩm quyền hơn, theo đó có thẩm quyền yêu cầu các cơ quan có trách nhiệm, như: Các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cơ quan thuế, công an, hải quan, những cơ quan tổ chức khác phải cung cấp thông tin có liên quan để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập. Căn cứ xác minh, trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập được quy định rõ ràng, mở rộng hơn, có xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hàng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên; hình thức kê khai, phương thức kê khai tài sản cũng có đổi mới để đảm bảo tính hiệu quả cao hơn. Có nhóm đối tượng sẽ bị kiểm soát chặt chẽ hơn. Những nhóm đối tượng tuy không giữ chức vụ cao nhưng công tác ở những vị trí dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng cũng phải kê khai, kiểm soát tài sản,

thu nhập một cách chặt chẽ hơn. Cùng với đó, công nghệ thông tin sẽ được phát huy tác dụng trong kiểm soát tài sản, thu nhập; việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập đang được khẩn trương triển khai để bảo đảm thực hiện có hiệu quả quy định của Luật PCTN năm 2018.

4. Cử tri kiến nghị: Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng vẫn còn nhiều hạn chế, thực hiện chưa đồng bộ và hiệu quả, nhất là công tác phòng, chống tham nhũng ở cấp cơ sở. Để công tác phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả cao hơn nữa, tránh gây thất thoát tài sản do các hành vi tham nhũng gây ra, đề nghị cần tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, có giải pháp xử lý ngay từ khi có dấu hiệu tham nhũng, thực hiện thường xuyên, kiên trì quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa ở các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị.

Trả lời:

Thời gian qua, bên cạnh những kết quả đạt được, chúng ta cũng phải thẳng thắn nhìn nhận công tác phòng, chống tham nhũng vẫn còn những tồn tại, hạn chế như quan điểm của cử tri đã nêu. Công tác phòng, chống tham nhũng ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có sự chuyển biến rõ rệt, vẫn còn tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, nể nang, né tránh, ngại va chạm; việc phát hiện, xử lý tham nhũng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng trong nội bộ cơ quan, đơn vị vẫn là khâu yếu.

Để khắc phục tình trạng trên, trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản pháp luật chỉ rõ ý nghĩa, tầm quan trọng, mục tiêu, nhiệm vụ, những chủ trương, giải pháp chủ yếu, đồng thời, tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Các cấp ủy đảng và chính quyền từ Trung ương đến địa phương đã quan tâm hơn đến công tác kiểm tra, thanh tra, nhất là kiểm tra, thanh tra công tác xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện những điều đảng viên không được làm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và chú trọng chỉ đạo khắc phục sai phạm sau kiểm tra, thanh tra. Các cơ quan hành pháp được củng cố một bước cả về thẩm quyền pháp lý, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất.

Để tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, có giải pháp xử lý ngay từ khi có dấu hiệu tham nhũng, thực hiện thường xuyên, kiên trì quyết liệt, mạnh mẽ hơn nữa ở các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị, Chính phủ chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau:

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện, củng cố đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở liêm chính, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; kiểm tra giám sát, ngăn ngừa việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chính quyền cấp cơ sở trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; ngăn chặn, đẩy lùi các hoạt động gây lãng phí, thất thoát kinh phí và tài sản trong cơ quan, đơn vị cơ sở; phát huy vai trò phản biện xã hội về phòng chống tham nhũng; kịp thời ngăn chặn có hiệu quả tình trạng tiêu cực tham nhũng trong toàn hệ thống chính quyền.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc thực thi công vụ những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của chính quyền cấp cơ sở.

Đẩy mạnh vai trò của các cơ quan trong hệ thống chính trị cơ sở đối với công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhằm ngăn ngừa, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời, đúng quy định của pháp luật đối với những hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong phát hiện, xử lý tham nhũng; đẩy mạnh việc thực hiện nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra, chú trọng tăng cường công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống tham nhũng, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức cơ sở làm công tác thanh tra, kiểm tra.